

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/ HNGĐ-ST

Ngày: 10- 4 -2019

V/v “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Ninh và bà Nguyễn Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16 /2019/HNGĐ - ST ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2019 và giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Q, xã Xuân Cao, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Anh Mai Văn Q , sinh năm 1982

Hộ khẩu thường trú: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Hiện nay anh Q đang chấp hành án phạt tù tại đội số 11, phân trại 1, trại giam T huyện N tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày giữa chị và bị đơn là anh Mai Xuân Q đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 01 năm 2015 tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau đoàn tụ hạnh phúc được khoảng 02 năm, thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh Q thường xuyên chơi bời, nghiện ma túy đá, không tu chí làm ăn. Hiện tại anh Q đang phải chấp hành án phạt tù tại đội số 11, phân trại 1, trại giam T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa về tội " mua bán trái phép

chất ma túy". Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Mai Xuân Q.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 02 con chung với nhau, tên các cháu là Mai Lê Diệu A, sinh ngày 29/9/2015 và cháu Mai Lê Phúc H, sinh ngày 14/3/2018. Hiện nay các cháu đang sống cùng với chị N. Ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh Q phải đóng góp nuôi con chung cùng chị, chị N xác định hiện nay anh Q đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên anh Q không có điều kiện để nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Nghề nghiệp của chị là giáo viên, công tác tại trường mầm non xã Y, huyện T, thu nhập bình quân mỗi tháng 8.000.000đ, chị xét thấy đủ điều kiện về thời gian và kinh tế để nuôi dạy hai con.

Về tài sản và phần nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Mai Xuân Q trình bày anh và chị Lê Thị N đăng ký kết hôn và chung sống với nhau như chị N trình bày là hoàn toàn đúng. Hiện nay anh xét thấy anh vẫn còn thương yêu chị N, anh không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh, chị được đoàn tụ.

Về con chung: Anh Q trình bày vợ, chồng anh chị có hai con chung, tên các cháu là Mai Lê Diệu A, sinh ngày 29/9/2015 và cháu Mai Lê Phúc H, sinh ngày 14/3/2018. Hiện nay các cháu đều đang ở cùng chị N. Nếu phải ly hôn, anh Q đồng ý giao cả hai con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, vì hiện nay anh đang phải chấp hành án phạt tù, nên không có khả năng nuôi con và cấp dưỡng nuôi con cùng chị N.

Về tài sản và phần nợ: Anh Q không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân gia đình, xử cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Mai Xuân Q. Về con chung đề nghị áp dụng Điều 81 luật hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận nuôi con giữa chị N và anh Q. Về tài sản anh, chị không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. *Về tố tụng:* Anh Mai Xuân Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị N và anh Q đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 01 năm 2015 tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau đoàn tụ hạnh phúc được khoảng 02 năm, thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh Q thường xuyên chơi bời, nghiện ma túy đá, không tu chí làm ăn. Hiện tại anh Q đang phải chấp hành án phạt tù tại đội số 11, phân trại 1, trại giam T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa về tội " mua bán trái phép chất ma túy". Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Nhung đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Mai Xuân Q. Anh Q xét thấy vẫn còn thương yêu chị N, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng thì thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị N và anh Mai Xuân Q ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Q cho rằng tình cảm vợ chồng đang còn, nhưng anh lại không tu chí làm ăn, bản thân lại nghiện ma túy đá, vi phạm pháp luật, hiện nay anh lại đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên anh cũng không có điều kiện để vun đắp và có những biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng.

Vì vậy xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp. Căn cứ vào điều 51, 56 luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N.

[3]. *Về con chung*: Hiện nay các cháu Mai Lê Diệu A, sinh ngày 29/9/2015 và cháu Mai Lê Phúc H, sinh ngày 14/3/2018 đều đang ở cùng chị N. Ly hôn nguyện vọng của chị N và anh Q là tiếp tục giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay hiện nay, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa chị Lê Thị N và anh Mai Xuân Q.

[4]. *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị N phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N xử cho chị N được ly hôn anh Mai Xuân Q.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận nuôi con giữa chị N và anh Q như sau: Giao cả hai cháu Mai Lê Diệu A và cháu Mai Lê Phúc H cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh Mai Xuân Q không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị N.

Anh Mai Xuân Q được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị N và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con, chị N không chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của các cháu, thì khi anh Q có đủ điều kiện về việc nuôi con, anh Q có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Lê Thị N và anh Mai Xuân Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị Lê Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện T theo biên lai số AA/2017/0005340 ngày 10 tháng 01 năm 2019 nay trừ vào án phí ly hôn, chị N đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố cho chị Lê Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Mai Xuân Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày niêm yết bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Ninh Nguyễn Thị Đào

Lê Thị Thủy

Nơi nhận:

- VKS T
- Các đương sự
- UBND xã
- Thường Xuân*
- Thi hành án
- Giám đốc án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

Lê Thị Thủy

y

Nơi nhận:

- VKS Thiệu Hoá
- Các đương sự
- UBND xã Yên Thái
- Thi hành án
- Giám đốc án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Thông

